

Bản án số: 02/2026/DS-ST

Ngày 09 - 01- 2026

V/v tranh chấp “*Hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét sơ sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Phước

Ông Liêu Tài Ngoánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Diệu Như– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 353/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025, về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1. Sinh ngày 02/11/1997. Căn cước công dân số: 096097009879 cấp ngày 12/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ thường trú: Khóm E, phường A, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên hệ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phan Thị Quốc A, sinh ngày 26/5/2002. Căn cước công dân số: 095302004816 cấp ngày 01/10/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/01/1986. Căn cước công dân số: 095086004261 cấp ngày 02/7/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị Đ, sinh ngày 01/01/1987. Căn cước số: 095187008199 cấp ngày 21/6/2025 tại Bộ C (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 là chị Phan Thị Quốc A trình bày:

Nguyên bà Hữu Thị Q – Chủ hộ Kinh doanh Đại lý T1 (T1) đã chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Hộ Kinh doanh Đại lý T1 1 sang cho bà Ngô Thị Cẩm T theo văn bản thỏa thuận ký ngày 19/3/2024. Nay, bà Ngô Thị Cẩm T – Chủ hộ Kinh doanh Đại lý T1 (T1) đã chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Hộ Kinh doanh Đại lý T1 sang cho ông Trần Phước H – Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 theo văn bản thỏa thuận ký ngày 09/9/2025 và ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị Đ thực hiện hợp đồng mua bán ký ngày 22/02/2023. Theo đó, Tân Quang M bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H2, G và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông H1, bà Đ để nuôi tôm đến cuối vụ thanh toán dứt điểm cho Tân Quang M.

Ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ có giao dịch với H3 Kinh doanh Đại lý T1 từ năm 2020 nhưng do mối quan hệ làm ăn nên thỏa thuận miệng và theo dõi trên sổ sách mua hàng đến năm 2023 mới ký hợp đồng mua bán thức ăn và các loại thuốc thủy sản ngày 22/3/2023 và nợ cũ mang sang hợp đồng ký kết năm 2023 là 319.729.000 đồng. Trong quá trình giao dịch, ngày 13/3/2025 ông H1 và bà Đ có trả cho H3 Kinh doanh Đại lý T1 số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 22/5/2023, ông H1 và bà Đ có trả cho Hộ kinh doanh Đại lý T1 số tiền 15.000.000 đồng. Đối trừ, hiện nay ông H1 và bà Đ còn nợ Hộ Kinh doanh Đại lý T1 tổng số tiền là 214.975.000 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ tháng 5 năm 2023 ký ngày 26/5/2023.

Đến nay, Hộ Kinh doanh Đại lý T1 đã liên hệ làm việc nhiều lần yêu cầu ông H1 và bà Đ thanh toán công nợ nhưng ông H1 và bà Đ vẫn không thực hiện đúng cam kết, không có thiện chí thanh toán dứt điểm công nợ.

Nay, ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 tổng số tiền 264.035.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 214.975.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày 15/9/2025 (27 tháng 15 ngày) là 49.060.000 đồng (Bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Đồng thời, ông H1, bà Đ còn phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ trình bày:

Vợ chồng ông H1, bà Đ bắt đầu mua thức ăn tôm sú và mua thuốc nuôi trồng thủy sản của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 cách nay khoảng 03 năm, có ký Hợp đồng mua bán và có thỏa thuận miệng cách thức mua bán như sau: Mỗi một vụ tôm, vợ chồng ông H1, bà Đ đến mua một lần khoảng từ 05 đến 10 bao thức ăn, mỗi bao có trọng lượng 20kg, giá một kg thức ăn tôm khoảng từ 45.000 đồng đến 50.000 đồng, mỗi lần đến lấy thức ăn tôm vợ chồng ông H1, bà Đ có ký vào sổ theo dõi của Cửa hàng T1, không có hóa đơn. Khi nào hết thức ăn tôm thì vợ chồng ông H1, bà Đ đến lấy tiếp giống như nêu trên. Đến khi sổ tôm (01 vụ tôm nuôi khoảng 05 đến 06 tháng), vợ chồng ông H1, bà Đ đến Cửa hàng T1 để đối chiếu nợ và trả nợ. Lúc nào tôm trúng, vợ chồng ông H1, bà Đ sẽ trả hết nợ, còn lúc nào tôm không trúng thì vợ chồng ông H1, bà Đ chỉ trả một phần (khoảng hơn 100.000.000 đồng), phần nợ còn lại sẽ trả ở vụ nuôi tôm tiếp theo và cứ thế cộng nợ dồn cho đến nay ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 khởi kiện.

Nay, ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ thừa nhận có nợ đối với số tiền gốc là 214.975.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đúng như yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1, còn số nợ lãi thì vợ chồng ông H1, bà Đ yêu cầu Tòa án không buộc vợ chồng ông H1, bà Đ trả lãi trên số nợ gốc vì trong hợp đồng mua bán không có thỏa thuận lãi suất và hiện nay cũng không có khả năng trả.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Phạm Thị Đ trình bày ý kiến tranh luận: Hiện nay, vợ chồng ông H1, bà Đ thừa nhận còn nợ số tiền gốc là 214.975.000 đồng, đây là nợ tiền thức ăn nuôi tôm do không trúng tôm nên không có tiền trả. Vợ chồng ông H1, bà Đ xin trả mỗi năm từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng vì hiện nay nuôi tôm không trúng nên không có khả năng trả nợ một lần. Vợ chồng ông H1, bà Đ hứa khi nào nuôi tôm trúng hoặc có tiền sẽ trả hết nợ cho Cửa hàng. Còn nợ lãi yêu cầu Tòa án không buộc vợ chồng ông H1, bà Đ trả nợ lãi vì hiện nay không có khả năng trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về việc xét xử vụ án sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468

của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán là 214.975.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ có nơi cư trú tại ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, chị Phan Thị Quốc A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn bà Phạm Thị Đ có mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 214.975.000 đồng, thấy rằng:*

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 cung cấp sổ mua bán, bảng đối chiếu xác nhận công nợ của ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông

Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ thống nhất thừa nhận: Hiện nay, ông H1 và bà Đ có nợ Hộ kinh doanh Cửa hàng T1 1 số tiền gốc là 214.975.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Sự thừa nhận của ông H1 và bà Đ phù hợp với Bảng đối chiếu xác nhận công nợ do nguyên đơn cung cấp tại Tòa án (Bút lục số 48). Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, việc thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, có xảy ra trên thực tế và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Mặc dù, Bảng đối chiếu xác nhận công nợ do nguyên đơn cung cấp tại Tòa án (Bút lục số 48) chỉ có ông H1 ký tên với Hộ Kinh doanh T1 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Đ thừa nhận bà Đ và ông H1 hiện nay còn nợ Hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 số tiền gốc 214.975.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) chưa thanh toán và đồng ý cùng ông H1 trả nợ cho H3 Kinh doanh Cửa hàng T1. Nên ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 yêu cầu H1 và bà Đ liên đới trả số tiền nợ gốc 214.975.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) là có căn cứ. Căn cứ theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 số tiền nợ gốc theo Hợp đồng mua bán đã ký kết là 214.975.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1, bà Đ không đồng ý trả lãi và tại phiên tòa, bà Đ không đồng ý trả lãi cho H3 Kinh doanh Cửa hàng T1 1 và hiện nay vợ chồng ông bà nuôi tôm không trúng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả lãi.

Xét thấy: Căn cứ mục 6.5 Điều 6 của “Hợp đồng mua bán về việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản” lập ngày 22/02/2023 được ký kết giữa Hộ Kinh doanh T1 với vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ có thỏa thuận: “...Trường hợp hai bên đã chấm dứt hợp đồng nhưng bên B vẫn chưa thanh toán hết nợ cho bên A thì bên B ngoài việc phải thanh toán toàn bộ công nợ cho bên A thì còn phải trả thêm phần lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm ngưng giao dịch...”

Theo Hợp đồng đã ký kết nêu trên, hai bên có thỏa thuận ông H1 và bà Đ thanh toán cho Hộ Kinh doanh T1 1 toàn bộ số tiền còn nợ sau khi thu hoạch

tôm, và có thỏa thuận khi hai bên chấm dứt Hợp đồng nếu ông H1 và bà Đ chưa thanh toán hết nợ cho Hộ Kinh doanh T1 thì phải trả lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm ngưng giao dịch.

Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ ngày 26/5/2023, xác định hai bên đã ngưng giao dịch và đã đối chiếu công nợ với nhau. Sau khi đối chiếu công nợ, ông H1 và bà Đ vẫn không trả tiền cho Hộ Kinh doanh T1 nên xem như vi phạm Hợp đồng đã ký kết.

Căn cứ khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Việc nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật tại các Điều 357, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”*; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Do các đương sự có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được tính bằng 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng).

Theo yêu cầu của nguyên đơn tính lãi suất từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/01/2026 là 31 tháng 08 ngày x 214.975.000 đồng (tiền gốc) x 0,83%/tháng = 55.788.863 đồng (tiền lãi).

Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên số tiền gốc chưa thanh toán. Nên buộc ông H1 và bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 tổng số tiền 270.763.863 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 214.975.000 đồng và tiền lãi 55.788.863 đồng).

Kể từ ngày 10/01/2026, ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc 214.975.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

[4.1] Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí. ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005001 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại đủ.

[4.2] Ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ cùng phải chịu án phí 5% x 270.763.863 đồng = 13.538.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 tổng số tiền 270.763.863 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó: Tiền gốc là 214.975.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi 55.788.863 đồng (Năm mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày 10/01/2026, ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc 214.975.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 không phải chịu án phí. Ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005001 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại đủ.

3.2. Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Đ cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 13.538.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng)

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Kiều Anh